TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 3 năm 2026
Về việc ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chỏ, ông Nguyễn Văn Chiểu;

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quốc Dũng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/3/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vàng Mí V, sinh năm 1983; Số CCCD xxxxxx, cấp ngày 25/6/2021; địa chỉ: xóm C, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

Bị đơn: Chị Thò Thị P, sinh năm 1984; địa chỉ: xóm C, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2025, bản tự khai và quá trình tố tụng nguyên đơn anh Vàng Mí V trình bày: Anh và chị Thò Thị P kết hôn với nhau ngày 18/02/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập), nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Do vợ chồng đều là người làm nông nên thi thoảng anh V đi làm thuê bên ngoài để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Đến tháng 9 băm 2010 do anh thường xuyên đi làm ăn xa, khoảng 2 - 3 tháng về nhà một lần, đến tháng 4/2012 thì chị Thò Thị P bỏ nhà đi, gia đình anh và anh em họ hàng bên nhà chị P đi tìm chị P nhưng không có tin tức về chị P. Trong suốt những năm tiếp theo anh vẫn thường xuyên đi tìm chị P, nhưng vẫn không có tin tức gì. Anh đã yêu cầu Tòa án

tuyên bố chị P là người mất tích. Tại Quyết định số 04/2024/QĐST-VDS ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) đã tuyên bố chị P mất tích. Do chị P đã bỏ đi lâu ngày, đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị được ly hôn với chị Thò Thị P. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu M1, sinh ngày 21/11/2004 và cháu Vàng Mí T, sinh ngày 21/9/2007, các cháu đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết về con chung. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bị đơn chị Thò Thị P đều vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng đầy đủ các quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có trường hợp nào phải thay đổi hoặc phải từ chối tiến hành tố tụng. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS (sửa đổi, bổ sung năm 2025); khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân, xử cho anh Vàng Mí V được ly hôn với chị Thò Thị P. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho anh Vàng Mí V. Trả lại cho anh Vàng Mí V số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Vàng Mí V có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Thò Thị P nơi cư trú cuối cùng tại xóm C, xã M, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang.

[2] Về việc vắng mặt bị đơn: Bị đơn chị Thò Thị P hiện nay không có mặt tại địa phương. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên

Quang đã niêm yết các văn bản của Toà án theo thủ tục tố tụng nhưng anh chị P vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị P theo quy định.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vàng Mí V và chị Thò Thị P kết hôn với nhau ngày 18/02/2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập), nay là Ủy ban nhân dân xã M, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Do vợ chồng đều là người làm nông nên thi thoảng anh V đi làm thuê bên ngoài để kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Đến tháng 4/2012 thì chị Thò Thị P bỏ nhà đi, gia đình anh Và cùng anh em họ hàng đi tìm chị P nhưng không có tin tức về chị P. Tại Quyết định số 04/2024/QĐST-VDS ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hà Giang (trước sáp nhập) đã tuyên bố chị P mất tích. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, anh V đề nghị được ly hôn với chị Thò Thị P.

[4] Về con chung: Anh V trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu M1, sinh ngày 21/11/2004 và cháu Vàng Mí T, sinh ngày 21/9/2007, các cháu đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết về con chung.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Tuyên Quang tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Vàng Mí V là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; tại phiên tòa có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho anh Vàng Mí V. Trả lại cho anh Vàng Mí V số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001393 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Vàng Mí V .

Xử cho anh Vàng Mí V được ly hôn với chị Thò Thị P.

2. Về con chung: Anh Và trình bày vợ chồng có hai con chung là cháu M1, sinh ngày 21/11/2004 và cháu Vàng Mí T, sinh ngày 21/9/2007, các cháu đều đã trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động nên không đề nghị giải quyết về con chung.

3. Về tài sản chung công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm ly hôn cho anh Vàng Mí V.

Trả lại cho anh Vàng Mí V số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0001393 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

5. Về quyền kháng cáo: Người có quyền kháng cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - TQ;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã M - TQ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Vân